

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Cáp điện Cu/XLPE/PVC 2x6 mm² - 0,6/1kV
Sample: Electric cable Cu/XLPE/PVC 2x6 sqmm - 0.6/1KV
2. Khách hàng: Công ty CP Dây và cáp điện Trần Phú Phương Liệt
Customer:
3. Số lượng mẫu: 01
Quantity:
4. Nhân hiệu: TP HOME
Trademark:
5. Tình trạng mẫu: Mới, chưa qua sử dụng
Sample observation: New, unused
6. Ngày nhận mẫu: 07 / 04 / 2023
Reception date:
7. Ngày thử nghiệm: 10 / 04 / 2023 - 08 / 05 / 2023
Test duration:
8. Phương pháp thử: TCVN 5935-1:2013; TCVN 6614; TCVN 6612:2007
Test methods:

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG
Chief of Electric, Electronic & Energy efficiency Testing Lab

Dặng Thanh Tùng

Hanoi, date of 08 / 05 / 2023

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

CHẤT LƯỢNG 1

- Phiên kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

TT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Standard level	Kết quả Results
1	Các phép thử điện/ Electrical tests		TCVN		
1.1	Độ bền điện áp tần số công nghiệp 3,5kV/5min <i>AC voltage test for 3.5kV/5min</i>		5935-1:2013 TCVN 6614	Không bị đánh thủng No breakdown	Đạt Pass
1.2	Điện trở suất khối của cách điện ở 90°C <i>Volume resistivity of insulation at 90°C</i>	Ω.cm	6612:2007	≥ 10 ¹²	4,8.10 ¹⁴
2	Ruột dẫn/ The conductor		-nt-		
2.1	Đường kính của ruột dẫn <i>Diameter of the conductor</i>	mm		≤ 3,3	3,10
2.2	Điện trở một chiều của ruột dẫn ở 20°C <i>DC resistance of the conductor at 20°C</i>	Ω/km		≤ 3,08	2,91
3	Lớp cách điện XLPE/ XLPE insulation		- nt -		
3.1	Chiều dày/ Thickness				
	• Giá trị nhỏ nhất/ Minimum value	mm		≥ 0,53	0,60
	• Giá trị trung bình/ Average value	mm		≥ 0,7	0,81
3.2	Tính chất cơ/ Mechanical properties				
3.2.1	Trước lão hoá/ Before ageing				
	• Suất kéo đứt/ Tensile strength	N/mm ²		≥ 12,5	15,9
	• Độ giãn dài tương đối/ Elongation at break	%		≥ 200	636,1
4	Cáp hoàn chỉnh/ Completed cable		- nt -		
4.1	Đường kính ngoài/ Overall diameter	mm		--	13,7

Hình ảnh/ Picture:

